

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD24B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Kế toán doanh nghiệp 1(4)	Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Marketing(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009	8.4	8.9	7.9	9.6	8.9	9.4	8.8	Giỏi
02	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009	8.3	7.9	5.7	9.7	8.0	9.4	7.7	Khá
03	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009	8.6	8.0	5.3	9.6	6.7	8.2	7.0	Khá
04	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009	7.3	7.1	6.0	8.7	6.8	8.0	7.1	Khá
05	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009	7.9	6.7	5.0	9.9	5.1	7.6	6.4	Trung bình
06	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008	6.5	5.1	5.0	9.1	2.6	6.2	5.3	Trung bình
07	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009	8.1	8.7	7.3	9.7	7.2	8.9	8.0	Giỏi
08	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009	8.5	9.9	9.2	9.1	9.9	9.5	9.4	Xuất sắc
09	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009	7.2	7.9	7.5	9.7	6.8	8.9	8.0	Giỏi
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009	7.7	8.9	7.4	9.7	6.5	9.1	7.9	Khá
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009	7.2	8.7	6.0	9.1	8.1	7.8	7.5	Khá
12	2453403020085	Nguyễn Quốc	Kỳ	17/10/2009	1.4	1.0	0.0	0.0	0.6	0.6	0.3	Yếu
13	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009	7.8	7.1	5.0	9.1	7.6	8.4	7.1	Khá
14	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008	8.2	7.4	5.9	9.8	7.7	9.2	7.7	Khá
15	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009	7.2	8.1	6.3	10.0	7.7	8.6	7.8	Khá
16	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009	8.3	8.3	6.2	7.4	6.9	8.5	7.0	Khá
17	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001	9.2	9.7	9.9	10.0	9.7	9.6	9.8	Xuất sắc
18	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009	9.2	7.3	6.5	8.4	7.0	9.1	7.5	Khá
19	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009	7.3	7.2	6.6	9.8	7.6	6.9	7.5	Khá
20	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009	8.8	7.0	7.3	9.1	6.6	8.5	7.7	Khá
21	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009	3.3	3.0	2.0	3.7	2.8	3.3	2.8	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Kế toán doanh nghiệp 1(4)	Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Marketing(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009	7.4	8.9	7.2	10.0	7.7	8.8	8.1	Giỏi
23	2453403020096	Bùi Đăng Hữu	Tài	16/04/2009	6.0	7.8	5.9	7.9	6.0	8.6	6.8	Trung bình
24	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009	6.8	9.8	6.9	9.7	7.7	8.9	8.0	Giỏi
25	2453403020098	Dương Nhật	Thi	04/05/2009	5.4	8.4	5.7	9.7	7.2	8.5	7.3	Khá
26	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	07/08/2009	5.1	8.3	6.3	9.7	7.9	9.2	7.9	Khá
27	2453403020100	Trịnh Phú	Trạng	04/03/2008	6.5	6.0	5.0	8.0	6.2	6.1	6.1	Trung bình
28	2453403020101	Nguyễn Lê Bích	Trâm	24/06/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
29	2453403020102	Phan Thái Ngọc	Trâm	28/08/2009	5.8	7.8	5.7	9.7	6.0	8.8	7.1	Khá
30	2453403020103	Đinh Đào Thanh	Trúc	30/07/2009	7.1	8.7	6.7	9.9	6.8	8.5	7.6	Khá
31	2453403020104	Hồ Thị Cẩm	Tú	30/12/2009	7.7	7.9	6.2	9.9	6.1	8.4	7.2	Khá
32	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	11/08/2009	7.7	8.3	6.2	9.1	5.9	8.8	7.1	Khá
33	2453403020106	Đinh Phạm Mỹ	Uyên	09/11/2009	7.0	9.1	8.4	9.7	8.6	9.2	8.8	Giỏi
34	2453403020107	Nguyễn Thị Kim	Uyên	08/01/2009	8.6	8.0	8.4	9.7	7.6	8.6	8.5	Giỏi
35	2453403020108	Nguyễn Thị Mai	Vàng	19/09/2009	8.6	6.9	5.7	9.3	4.7	9.2	6.7	Trung bình
36	2453403020109	Lâm Yến	Vy	04/02/2009	6.6	7.3	5.0	9.5	6.2	8.0	6.7	Trung bình
37	2453403020110	Nguyễn Tường	Vy	15/10/2009	6.9	8.1	5.0	9.8	7.8	8.9	7.3	Khá
38	2453403020111	Lâm Xuân	Yến	11/08/2009	7.2	7.8	5.0	9.2	9.0	9.0	7.6	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái